

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Huỳnh Văn Dứt;
bà Phạm Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 16/8/1990; cư trú số 155, ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn S, sinh ngày 08/6/1984; cư trú ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Nguyễn Thị Đ trình bày: năm 2016, chị Đ và anh S được cha mẹ tổ chức đám cưới, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã K cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 229, ngày đăng ký 14/11/2017. Sau ngày cưới, vợ chồng cất nhà ở nhà riêng tại ấp K2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Quá trình chung sống được 01 năm thì anh S sinh tật cờ bạc gây nợ nần với nhiều người ở địa phương. Khi đó, chủ nợ tới nhà đòi nợ thì anh S lánh mặt. Để giữ uy tín gia đình, chị Đ xuất tiền cá nhân chi trả tiền nợ cờ bạc do anh S gây ra.

Trước năm 2019, vợ chồng có chuyện lục đục về tình cảm nên sau khi bán nhà của vợ chồng thì bản thân anh S về nhà cha mẹ của anh S sinh sống tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Còn cá nhân chị Đ về nhà cha mẹ của chị Đ sinh sống tại ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Vào một ngày của năm 2020, anh S nói với chị Đ là đi Bình Dương. Lúc bấy giờ, chị Đ nghĩ anh S đi làm, kiếm tiền nên có khuyên anh S cố gắng chí thú làm ăn. Dù vậy, kể từ đó đến nay, anh S không chịu về sống chung với chị Đ. Thấy anh S đi mãi không về, chị Đ liên lạc được vài lần qua điện thoại với anh S. Không hiểu lý do gì, từ năm 2021 đến nay, chị Đ không còn liên lạc được với anh S. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Vì vậy, chị Đ yêu cầu ly hôn với anh S.

Quá trình chung sống, giữa chị Đ và anh S không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn, cho rằng vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay, không liên lạc được anh S, mâu thuẫn chủ yếu của vợ chồng do anh S cờ bạc gây nợ nần.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Chị Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh S từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: từ khi chị Đ nộp đơn ly hôn, anh S không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, chị Đ không còn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh S.

Chị Đ cho rằng không có con chung, tài sản và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị Đ có đơn khởi kiện đối với anh S về yêu cầu ly hôn. Ngoài địa chỉ của anh S có đăng ký thường trú tại ấp K2, xã K, huyện C, tỉnh An Giang thì anh S còn có địa chỉ đang sinh sống tại nhà cha mẹ của anh S thuộc ấp K, xã K,

huyện C, tỉnh An Giang từ năm 2020 theo kết quả xác minh ngày 27/7/2022. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Giữa chị Đ và anh S có mối quan hệ hôn nhân được xác lập tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã K cấp chứng nhận kết hôn nên quan hệ vợ chồng hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, chị Đ cho rằng vợ chồng đã ly thân, anh S bỏ mặc chị Đ từ năm 2021 đến nay, không còn sống chung với chị Đ, làm cho chị Đ không còn tình cảm vợ chồng với anh S. Theo đó, tại biên bản xác minh ngày 16/6/2022, 27/7/2022 xác định: "...giữa năm 2020, anh S có thường xuyên sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ của anh S thuộc ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang và vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có trở về địa phương...". Như vậy, Tòa án xác định việc anh S đang ở nơi khác mà không cho chị Đ biết về địa chỉ chỗ ở mới. Bên cạnh đó, vợ chồng không còn sống chung nhà với nhau mà không ai chịu liên lạc, quan tâm, thăm hỏi lẫn nhau thì thực tế xem như giữa chị Đ và anh S đã bỏ mặc nhau.

[3] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, xem như anh S từ bỏ quyền tự bảo vệ của mình đối với vụ án đang được xem xét, giải quyết. Hơn nữa, Tòa án tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn nhưng chị Đ vẫn giữ nguyên ý kiến và kiên quyết ly hôn với anh S do không còn hòa hợp nhau về tình cảm vợ chồng nên Tòa án xét thấy khả năng hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân của chị Đ với anh S không được bảo đảm.

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị Đ yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ do vợ chồng đã bỏ mặc nhau dẫn đến không còn tình nghĩa vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh S.

[5] Chị Đ khai nhận không có con chung với anh S, đồng thời, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: chị Đ phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn S.

1. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 229, ngày đăng ký 14/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã K cấp cho chị Đ và anh S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004589 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Chị Đ có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh S vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân